

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/DS-PT

Ngày: 20/01/2025

V/v: Yêu cầu chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm, bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Anh - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Lê Thị Bích Thủy -
Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2024/TLPT-DS ngày 15/10/2024, về việc “Yêu cầu chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của TAND Thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 352/2024/QĐ-PT ngày 15/11/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 400/2024/QĐ-PT ngày 25/12/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Phạm Đình S, sinh năm 1951

Địa chỉ: Xã T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Đình S: Anh Phạm Đình S1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt. Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1981. Địa chỉ: Phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt. Ông Phạm Trí T, sinh năm 2001. Địa chỉ: Phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

* **Bị đơn:** Ông Phạm Thanh B, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thị trấn K, huyện N, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Thanh B: Anh Phạm Minh H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thị trấn K, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Phạm Thị L; địa chỉ: Phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Q; địa chỉ: Xã T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị L1; địa chỉ: Xã T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Đình S1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

* **Người kháng cáo:** Ông Phạm Đình S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Đình S1 trình bày:**

Cụ Phạm Thị P (chết năm 1982) và cụ Phạm Đình C1 (chết năm 2007) là vợ chồng, quá trình chung sống có 07 người con ruột gồm ông Phạm Thanh B, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị Q, bà Phạm Thị L1, ông Phạm Đình S, ông Phạm T (chết năm 1971) và bà Phạm Thị D (chết năm 1979). Cụ C và cụ P chết đều không để lại di chúc. Cha mẹ đẻ của cụ P và cụ C cũng đều đã chết trước thời điểm hai cụ chết, cụ P và cụ C không có cha mẹ nuôi và không có con nuôi. Ông T chết khi đi bộ đội chưa có vợ con và bà Phạm Thị D chết khoảng 18 tuổi cũng chưa có chồng con.

Về tài sản thừa kế yêu cầu Tòa án phân chia: Thửa đất số 248 (Thửa mới 21), tờ bản đồ số 27 (Tờ bản đồ mới 75), diện tích 2.635m² (Diện tích đo đạc thực tế là 2.817m²), địa chỉ xã T, thị xã B, do cụ C nhận chuyển nhượng của người khác vào năm 1990, đến ngày 09/12/2009 được UBND thị xã Buôn Hồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo ý kiến của ông S thì đây là di sản thừa kế của cụ C, không liên quan đến cụ P vì sau khi cụ P chết, cụ C mới nhận chuyển nhượng. Trước khi chết, cụ C có nguyện vọng để thừa đất lại làm nhà từ đường để thờ cúng về sau, tuy nhiên ông B không đồng ý và mong muốn được nhận đi sản thừa kế đối với thửa đất nêu trên. Do những người ở hàng thừa kế thứ nhất không tự thỏa thuận được để phân chia thửa đất nên ông S khởi kiện đề nghị Tòa án chia thửa đất thành 05 kỷ phần thừa kế bằng nhau. Ông S nhận 04 kỷ phần thừa kế, bao gồm 01 phần của ông S và 03 kỷ phần do bà L, bà L1 và bà Q từ chối nhận di sản thừa kế và nhường lại kỷ phần của mình cho ông S và chia cho ông B 01 kỷ phần thừa kế. Ngoài ra ông S không yêu cầu phân chia tài sản thừa kế nào khác.

Sau khi cụ C chết năm 2007, ông S là người trực tiếp sử dụng canh tác trồng cây trên đất, nên ông S đề nghị Tòa án xem xét công sức đóng góp, tôn tạo, giữ gìn di sản thừa kế cho ông S.

Đối với chi phí nuôi người đau ốm, mai táng, xây mộ như bảng kê đã nộp kèm theo đơn khởi kiện ông S xin rút, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* **Bị đơn ông Phạm Thanh B trình bày:**

Cụ Phai và cụ C có 07 người con (02 người đã chết), ông là con ruột của hai cụ, cụ P và cụ C chết đều không để lại di chúc.

Về tài sản thừa kế yêu cầu Tòa án phân chia: Thửa đất số 248 (Thửa mới 21), tờ bản đồ số 27 (Tờ bản đồ mới 75), diện tích 2.635m² (Diện tích đo đạc thực tế là 2.817m²), địa chỉ xã T, thị xã B, do cụ C nhận chuyển nhượng của người khác vào

năm 1990, đến ngày 09/12/2009 được UBND thị xã Buôn Hồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông cho rằng đây là di sản thừa kế của cụ C, không liên quan đến cụ P (vì sau khi bà P chết cụ C mới nhận chuyển nhượng). Sau khi cụ C chết năm 2007 thì ông S là người trực tiếp sử dụng canh tác trồng cây trên đất chưa xây dựng gì. Do những người ở hàng thừa kế thứ nhất không tự thỏa thuận được để phân chia thừa đất. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án phân chia thành 05 kỷ phần phần thừa kế bằng nhau, ông nhận 01 kỷ phần thừa kế bằng hiện vật, tương đương với phần diện tích đất ở và đất trồng cây lâu năm.

Việc bà L1 từ chối nhận di sản thừa kế và nhường kỷ phần của mình cho ông S, ông không đồng ý vì ông cho rằng bà L1 từ chối nhận di sản thừa kế là để bà L1 trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông. Bởi lẽ, bà L1 cùng chồng là ông Dương T1 nợ ông 400.000.000 đồng và 6 tấn cà phê nhân xô việc này ông đã khởi kiện, Tòa án đã ban hành quyết định công nhận kết quả hòa giải thành số 09/2022/QĐCNHGT-DS ngày 12/8/2022, thời hạn trả nợ chậm nhất vào ngày 28/9/2022 nhưng đến nay bà L1 chưa trả nợ cho ông. Ông cũng đã yêu cầu thi hành án đối với khoản nợ nêu trên, Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ đã ban hành quyết định thi hành án số 342/QĐ-CCTHADS ngày 13/3/2023, tuy nhiên đến nay bà L1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Đối với diện tích đất đo đạc thực tế, giá trị đất và tài sản trên đất ông đồng ý như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản ngày 12/6/2024 của Tòa án và Hội đồng định giá tài sản.

Ngoài ra ông không yêu cầu phân chia tài sản thừa kế nào khác. Việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cấp sau thời điểm cụ C chết ông cho rằng do trước đó đã kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng sau đó nhà nước mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc bà L1 từ chối nhận phần di sản của mình để trốn tránh việc trả nợ cho ông, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Điều 147; Điều 155; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 163; Điều 164; Điều 165; Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 609; 610; 611; 613; khoản 1 Điều 620; 649; 650; 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 167, 168, 195 Luật Đất đai.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Đình S về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị Q giao kỷ phần thừa kế được chia cho ông Phạm Đình S.

- Không chấp nhận việc bà Phạm Thị L1 từ chối nhận kỷ phần thừa kế của cụ Phạm Đình C1.

- Giao cho ông Phạm Đình S trực tiếp quản lý, sử dụng và định đoạt quyền sử dụng đất thửa đất số 248 (Thửa mới 21), tờ bản đồ số 27 (Tờ bản đồ mới 75), diện tích 2.635m², (Diện tích đo đạc thực tế là 2.817m²), địa chỉ xã T, thị xã B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 931145 UBND thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/12/2009 và tài sản gắn liền với đất là 23 cây vải, 07 cây bơ, 20 cây dứa.

- Buộc ông Phạm Đình S có nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế tài sản của cụ Phạm Đình C1 cho ông Phạm Thanh B số tiền 237.937.000 đồng.

- Buộc ông Phạm Đình S có nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế tài sản của cụ Phạm Đình C1 bà Phạm Thị L1 số tiền 237.937.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/8/2024, nguyên đơn ông Phạm Đình S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét công của ông trong việc gìn giữ, bảo quản, tôn tạo đối với di sản thừa kế của cụ Phạm Đình C1 và xem xét khấu trừ số tiền mà ông đã bỏ ra để lo chăm sóc, mai táng, xây mộ cho các thành viên trong gia đình gồm cha, mẹ, em với số tiền 235.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Đình S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Đình S. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DSST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Ông Phạm Đình S kháng cáo trong thời hạn luật định và thuộc đối tượng được miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nên vụ án được thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:* Di sản thừa kế của cụ Phạm Đình C1 là thửa đất số 248 (Thửa mới 21), tờ bản đồ số 27 (Tờ bản đồ mới 75), diện tích 2.635m², (Diện tích

đo đạc thực tế là 2.817m²), địa chỉ xã T, thị xã B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 931145 UBND thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/12/2009. Cụ C chết năm 2007 không để lại di chúc và di sản này được ông Phạm Đình S quản lý sử dụng đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án xác định những người thuộc hàng thừa kế còn lại của cụ C hiện nay gồm: ông Phạm Thanh B, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị Q, bà Phạm Thị L1, ông Phạm Đình S. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình S, chia di sản nêu trên thành 05 phần bằng nhau và có xem xét công sức giữ gìn tôn tạo di sản của ông Phạm Đình S ở mức 5% giá trị di sản thừa kế là có căn cứ.

Theo kết quả định giá tài sản xác định thừa đất nêu trên có giá trị là 1.252.300.000 đồng nên xác định phần công sức giữ gìn tôn tạo di sản của ông Phạm Đình S là $(1.252.300.000 \times 5\%) = 62.615.000$ đồng. Giá trị phần di sản còn lại được chia thành 05 phần bằng nhau, cụ thể: $[(1.252.300.000 \text{ đồng} - 62.615.000 \text{ đồng}) = (1.189.685.000 \text{ đồng} : 5)] = 237.937.000$ đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị Q đều đồng ý tặng cho kỹ phần thừa kế của mình cho ông S, xét đây là sự tự nguyện nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp.

Đối với bà Phạm Thị L1, mặc dù bà L1 cũng đồng ý tặng cho kỹ phần thừa kế của mình cho ông S, tuy nhiên do bà L1 cùng chồng là ông Dương T1 hiện còn nợ ông Phạm Thanh B số tiền 400.000.000 đồng và 6 tấn cà phê nhân xô chưa thanh toán theo Quyết định Thi hành án số 342/QĐ-CCTHADS ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Tx. Buôn Hồ nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận việc bà L1 tặng cho kỹ phần thừa kế của mình cho ông S là phù hợp.

Ông S kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần công sức giữ gìn tôn tạo di sản của ông ở mức 5% giá trị di sản với số tiền 62.615.000 đồng là chưa tương xứng. Xét thấy từ khi ông Cảnh mất, ông S là người quản lý, canh tác và trực tiếp hưởng lợi từ di sản, các tài sản là cây trồng ông S tạo lập trên đất hiện nay được Tòa cấp sơ thẩm xác định là tài sản của ông S, ngoài ra ông S không có đóng góp nào khác trong việc tôn tạo làm tăng giá trị của di sản. Tỷ lệ 5% giá trị di sản mà ông S được hưởng được xác định theo giá thị trường hiện nay. Do đó kháng cáo này của ông S là không có cơ sở để chấp nhận.

Ông Phạm Đình S yêu cầu xem xét khấu trừ số tiền lo chăm sóc, mai táng, xây mộ cho cha, mẹ và em với tổng số tiền 235.000.000 đồng. Xét thấy, tại đơn khởi kiện ông S có yêu cầu xem xét khấu trừ các khoản chi phí nêu trên, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ông S đã tự nguyện xin rút yêu cầu này nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét. Do đó Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để giải quyết yêu cầu này của ông Phạm Đình S.

Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án không thu thập bất kỳ tài liệu chứng cứ nào để chứng minh về quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Đình C1 - bà Bùi Thị Phai; không có chứng cứ xác định tình trạng hôn nhân của ông Phạm Đình C1 từ khi bà P chết (năm 1982) đến thời điểm ông Cảnh chết theo khai tử; không thu thập bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh về mối quan hệ huyết thống của ông Phạm Thanh B, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị Q, bà Phạm Thị L1, ông Phạm Đình S với ông Phạm Đình C1. Hiện đã được Tòa án cấp phúc thẩm

khắc phục đầy đủ nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những nhận định như đã nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Đình S mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] **Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:** nguyên đơn ông S phải chịu 1.560.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, được khấu trừ 2.600.000 đồng tạm ứng ông S đã nộp. Ông B và bà L1 mỗi người phải chịu 520.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản. Ông S được nhận lại 1.040.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản sau khi thu được của ông B và bà L1 (trong đó thu của ông B 520.000 đồng, thu của bà L1 520.000 đồng).

[4] **Về án phí:** Nguyên đơn ông Phạm Đình S, bị đơn ông Phạm Thanh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị Q được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Phạm Thị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỹ phần thừa kế được nhận ở mức (237.937.000 đồng x 5%) = 11.896.850 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Đình S. Giữ nguyên toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DSST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

[2] *Căn cứ Điều 147; Điều 155; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 163; Điều 164; Điều 165; Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự.*

- Điều 609; 610; 611; 613; khoản 1 Điều 620; 649; 650; 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 167, 168, 195 Luật Đất đai.

Căn cứ Điều 12; Điều 14; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Đình S về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị Q giao kỹ phần thừa kế được chia cho ông Phạm Đình S.

- Không chấp nhận việc bà Phạm Thị L1 từ chối nhận kỹ phần thừa kế của cụ Phạm Đình C1.

- Giao cho ông Phạm Đình S trực tiếp quản lý, sử dụng và định đoạt quyền sử dụng thửa đất số 248 (Thửa mới 21), tờ bản đồ số 27 (Tờ bản đồ mới 75), diện tích 2.635m² (diện tích đo đạc thực tế là 2.817m²), địa chỉ tại xã T, thị xã B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 931145 UBND thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk

cấp ngày 09/12/2009 và tài sản gắn liền với đất là 23 cây vải, 07 cây bơ, 20 cây dứa.

Ông Phạm Đình S được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về đất đai để thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

[2.2] Buộc ông Phạm Đình S có nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế tài sản của cụ Phạm Đình C1 cho ông Phạm Thanh B số tiền 237.937.000 đồng.

[2.3] Buộc ông Phạm Đình S có nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế tài sản của cụ Phạm Đình C1 cho bà Phạm Thị L1 với số tiền 237.937.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] **Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:** nguyên đơn ông Phạm Đình S phải chịu 1.560.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, được khấu trừ 2.600.000 đồng tạm ứng ông S đã nộp. Ông B và bà L1 mỗi người phải chịu 520.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản. Ông S được nhận lại 1.040.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản sau khi thu được của ông B và bà L1 (trong đó thu của ông B 520.000 đồng, thu của bà L1 520.000 đồng).

[4] **Về án phí:** Nguyên đơn ông Phạm Đình S, bị đơn ông Phạm Thanh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị Q được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Phạm Thị L1 phải chịu 11.896.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tx. Buôn Hồ;
- Chi cục THADS Tx. B;
- Dương sự;
- Công thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Trang